

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng;
Ông Lưu Bá Ngọc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Mai Lương S – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Thanh O tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn D, sinh năm 1998

HKTT: Chúc Đồng 1, xã Thụy H, huyện Chương M, Hà Nội

Chỗ ở: xóm Lam Sơn, xã Lâm S, huyện Lương S, Hòa B

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999

Trú tại: thôn M, xã Bích H, huyện Thanh O, Hà Nội

(Tại phiên tòa: anh D có mặt; chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là anh Lê Tuấn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện kết hôn năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy H, huyện Chương M, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại huyện Chương M, Hà Nội, sau đó chuyển lên Hòa B sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, đến khi vợ tôi sinh con thứ hai về nhà mẹ đẻ ở sau đó không chịu về nhà tôi nữa, sau đó hai vợ chồng và hai bên gia đình mâu thuẫn về tiền

vàng khi cưới dẫn đến không thể giải quyết được; tôi có cố gắng nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng cô H nghe mẹ nên xảy ra cãi vã, nhà cô H còn đăng ảnh và các đoạn ghi âm lên facebook, vu khống mẹ tôi lấy trộm vàng của cô H nên mâu thuẫn càng thẳng. Sau khi xảy ra mâu thuẫn tôi đến thì cô H không cho tôi vào, không cho gặp con, đồ đạc tôi toàn phải gửi cụ. Từ khi mâu thuẫn đến nay, hai vợ chồng tôi không nói chuyện được với nhau vì mỗi lần gặp là đều có mẹ vợ tôi mà mẹ vợ tôi mỗi lần gặp đều làm loạn lên, không thể nói chuyện được. Trong suốt thời gian ly thân vợ chồng không còn gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn gì nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô H vì đến giờ vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Anh D khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 05/3/2023. Ly hôn anh D muốn nuôi một con nhưng con còn bé nên tôi đồng ý giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản nhiều lần nhưng không lên Tòa làm việc cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình cho Tòa án về việc anh D xin ly hôn, xin nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai, bà H1 – mẹ chị H trình bày: Năm 2020 gia đình bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương cho cháu H và cháu D, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, giữa cháu H và cháu D nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cháu H thường tâm sự với bà rằng anh D không có trách nhiệm với gia đình, không chăm nom, đỡ đần vợ con, kể cả những lúc con ốm đau anh D vẫn tự tập chơi bời, đá bóng. Thậm chí mẹ chồng cháu H còn ăn trộm số tiền vàng mà hai cháu đã được gia đình hai bên tặng lúc đám cưới. Đến năm 2023, cháu H cùng hai con về nhà ở với bà. Nay anh D xin ly hôn, bà có ý kiến như sau: Nếu anh D đồng ý trả hết tiền vàng cho chị H thì chị H đồng ý ly hôn. Về con chung, gia đình có ý kiến không chia tách 2 cháu, nếu anh D nuôi cả hai cháu thì giao cho anh D nuôi, còn nếu giao cho chị H nuôi cả 2 cháu thì chị H đồng ý nhận nuôi cả 2 cháu và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và có trách nhiệm với các con cho đến khi con chung trưởng thành.

Tòa án nhân dân huyện Thanh O đã tiến hành xác minh tại thôn M, xã Bích H, Thanh O được cung cấp như sau: Qua quần chúng nhân dân phản án tôi được biết vợ chồng cháu H, cháu D có xảy ra mâu thuẫn nên cháu H và các con ở cùng gia đình chị H1 (mẹ cháu H) từ hơn một năm nay. Hiện chị có mẹ con cháu H ở cùng bà H1 còn anh D thì ở bên Chương M, vợ chồng không còn chung sống với nhau, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào tôi không nắm rõ.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt. Anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh giấy triệu tập của Tòa, bị đơn không đến Tòa làm việc, không đến phiên tòa cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến quan điểm của là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: anh D, chị H kết hôn với nhau năm 2020 có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp; quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân; xét quan hệ hôn nhân giữa anh D, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị H; về con chung: các con chung đều còn nhỏ, anh D cũng đồng ý giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc nên đề nghị giao chị H nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét, nợ chung: Không có nên không đề nghị gì; về án phí anh D phải nộp tiền án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Tuấn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H, hiện chị H có nơi ở tại thôn M, xã Bích H, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung: Anh Lê Tuấn D và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện kết hôn năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy H, huyện Chương M, Hà Nội nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng bố mẹ anh D tại huyện Chương M, Hà Nội, sau đó chuyển lên Hòa B sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, đến năm 2023, khi chị H mang thai con chung thứ hai thì hai vợ chồng và hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn về tiền vàng khi cưới dẫn đến không thể giải quyết, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H không đến Tòa án làm việc, cũng không trình bày ý kiến

quan điểm gì, còn bà H1 mẹ chị H cũng trình bày vợ chồng chị H, anh D xảy ra mâu thuẫn, chị H đồng ý ly hôn nếu anh D trả hết vàng cho chị H; Tại biên bản xác minh tại thôn M, xã Bích H thể hiện: vợ chồng anh D chị H hiện không còn chung sống cùng nhau, chỉ có chị H và các con ở chung cùng mẹ chị H còn anh D ở Chương M.... Xét quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử xử cho anh Lê Tuấn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng anh D, chị H có 02 con chung là

1. Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 05/7/2021

2. Lê Khánh A, sinh ngày 05/3/2023.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh D trình bày: anh cũng mong muốn được nuôi con nhưng do các con đều còn nhỏ, anh không muốn chia tách các con nên ly hôn anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, cả hai con chung đều Đg ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh H, các con chung đều còn nhỏ, lại là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, bản thân anh D cũng không muốn chia tách các con khi bố mẹ ly hôn nên để đảm bảo cho việc phát triển tâm sinh lý của các con chung sau này cũng như không gây ảnh hưởng, xáo trộn nhiều đến cuộc sống của các con chung, Hội đồng xét xử giao hai con chung là Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 05/7/2021 và Lê Khánh A, sinh ngày 05/3/2023 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc anh D cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức 1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thỏa thuận thay đổi khác.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho chị H khởi kiện sang vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về công nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Anh Lê Tuấn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Anh Lê Tuấn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H
2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 05/3/2023

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Tuấn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/2 con (tức 1.500.000 đồng/tháng/con) kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thỏa thuận thay đổi khác.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong bản án này.

4. Về công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong bản án này.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0020813 ngày 08/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O, anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Thụy H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng